

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 450/2020/DS-PT

Ngày 22 – 9 – 2020

V/v tranh chấp đòi tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các thẩm phán:

Ông Võ Văn Khoa

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 313/2020/TLPT-DS ngày 20 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp đòi tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 1395/2019/DS-ST ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2077/2020/QĐ-PT ngày 20/7/2020; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông J.I.S.A, sinh năm 1951; địa chỉ: C/M 23; 2⁰D, 37008 Salamanca, Spain; (*vắng mặt*).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (được ủy quyền theo Hợp đồng ủy quyền có số công chứng 007217, quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐGD, lập tại Văn phòng công chứng TV ngày 14/7/2016): Ông Trần Phú Th, sinh năm 1959; địa chỉ: 15 PH, Phường 8, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; (*có mặt*).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thu H, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 339/34A1 đường THT, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; (*vắng mặt*).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H: Bà Nguyễn Thị Phương T – Luật sư làm việc tại Công ty Luật TNHH Một Thành Viên TMT, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; (*vắng mặt*).

- *Người kháng cáo:*

+ Ông Trần Phú Th là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông J.I.S.A.

+ Bị đơn bà Nguyễn Thu H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/01/2010 và Bản tự khai ngày 06/4/2010, nguyên đơn ông J.I.S.A có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Phú Th trình bày:

Vào tháng 4/2006, ông J.I.S.A (sau đây viết tắt là ông J) quen biết bà Nguyễn Thu H qua mạng Internet, bà H đề nghị ông bảo lãnh bà sang Tây Ban Nha du lịch nên ông đã làm thư bảo lãnh và gửi tiền về Việt Nam để bà H đi Tây Ban Nha từ ngày 07/7/2006 đến 29/7/2006.

Sau khi trở về Việt Nam, khoảng tháng 9/2006, bà H gửi email cho ông J hỏi mượn tiền để đầu tư kinh doanh bất động sản, tham gia chứng khoán và hứa một năm sau sẽ trả. Vì tin tưởng và cũng muốn giúp đỡ bạn bè nên ông J đã hai lần gửi tiền cho bà H. Lần thứ nhất vào ngày 06/9/2006 gửi 8.065,26 EUR (ngày 08/9/2006 bà H nhận tương đương 10.245,36 USD). Lần thứ hai vào ngày 30/10/2006 gửi 23.762,38 EUR (ngày 01/10/2006 bà H nhận tương đương 29.943,52 USD). Tổng cộng, bà Nguyễn Thu H đã nhận đủ 40.197,88 USD. Sau một năm, ông J đã nhiều lần yêu cầu bà H trả tiền nhưng bà viện lý do kinh doanh khó khăn nên không chịu trả.

Nguyên đơn đã khởi kiện tại Tòa án yêu cầu bà Nguyễn Thu H phải trả số tiền nợ gốc 31.827,64 EUR và tiền lãi trên số tiền thực nhận bằng 6.592 EUR; tổng hai khoản là 38.504,64 EUR tương ứng tiền Việt Nam đồng được quy đổi tại thời điểm khởi kiện là 846.850.347 đồng. Theo ông J thì đây là số tiền bà H mượn của ông chứ không phải là tiền tặng cho bà H và ông cũng không đầu tư cùng bà H vào bất kỳ việc làm ăn nào khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thu H trình bày:

Bà H xác nhận có quen biết và đã nhận số tiền như trình bày của ông J. Cụ thể lần thứ nhất bà nhận số tiền tương ứng 10.254,36 USD; lần thứ hai nhận tương ứng 29.943,52 USD, tổng cộng bằng 40.197,88 USD. Theo bị đơn thì số tiền trên bà nhận do ông J.I.S.A tự nguyện chuyển giao cho bà vì hai bên có tình

cảm với nhau, hơn nữa đã sống chung như vợ chồng trong thời gian bà ở Tây Ban Nha với ông J và dự định sẽ đi đến kết hôn. Vì vậy, sau khi bà trở về Việt Nam, ông J đã gửi cho bà tổng số tiền trên để sử dụng đóng học phí, chi xài cá nhân, một phần đầu tư chứng khoán và phần khác để trả chi phí chữa bệnh cho cha của bà. Năm 2007, ông J bị tai nạn giao thông, sau đó chung sống với một phụ nữ bản địa khác, nên tình cảm giữa bà với ông J bị thay đổi. Vào cuối năm 2009, ông J đến Việt Nam đòi bà phải trả lại số tiền đã nhận, bà không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 1395/2019/DS-ST ngày 16/10/2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tính lãi trên tổng số tiền chuyển giao cho bị đơn.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thu H phải có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn ông J.I.S.A số tiền 29.943,52 USD được quy đổi sang tiền đồng Việt Nam là 555.272.634 (năm trăm năm mươi lăm triệu, hai trăm bảy hai nghìn, sáu trăm ba mươi tư) đồng. Thực hiện việc trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị đơn không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền như đã nêu tại phần quyết định của bản án này thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu thêm khoản tiền lãi được qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Nguyễn Thu H phải trả lại số tiền 10.245,36 USD được quy đổi sang tiền đồng Việt Nam là 189.989.955 đồng theo Phiếu chuyển tiền mặt ghi ngày 06/9/2006.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn phải chịu 9.499.497 đồng và bị đơn phải chịu 26.210.905 đồng, tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/10/2019, ông Trần Phú Th là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông J.I.S.A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc bà H phải trả lại toàn bộ tài sản mà ông J.I.S.A đã cho bà H vay không lãi suất với số tiền 40.197,88 USD.

Ngày 23/10/2019, bị đơn bà Nguyễn Thu H có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, không đồng ý với việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử buộc bà phải hoàn trả cho ông J.I.S.A số tiền 29.943,52 USD quy đổi sang tiền đồng Việt

Nam là 555.272.634 đồng và không đồng ý với việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông J.I.S.A, có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Phú Th tham gia phiên tòa trình bày, vẫn giữ nguyên kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của J.I.S.A, buộc bà Nguyễn Thu H phải trả lại toàn bộ số tiền 40.197,88 USD mà ông J đã cho bà H vay được quy đổi sang tiền đồng Việt Nam theo tỷ giá tại thời điểm xét xử phúc thẩm.

Bị đơn bà Nguyễn Thu H và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát đối với việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo bà Nguyễn Thu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, thuộc trường hợp bị coi như từ bỏ việc kháng cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà H theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về kháng cáo của nguyên đơn ông J.I.S.A:

Tại “Phiếu chuyển tiền mặt” đề ngày 06/9/2006, ông J không thể hiện ý chí của mình trong việc chuyển khoản tiền 8.085,26 EUR cho bà Nguyễn Thu H. Trong khi đó, việc bà H cho rằng số tiền này ông J tự nguyện tặng cho bà vì quan hệ tình cảm giữa hai người là có cơ sở. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông J.I.S.A về việc buộc bà H phải trả lại khoản tiền theo “Phiếu chuyển tiền mặt” ngày 06/9/2006 là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của ông J, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của ông J.I.S.A do người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Phú Th thực hiện và đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thu H nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo bà Nguyễn Thu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên thuộc trường hợp bị coi như từ bỏ việc kháng cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà H theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo đó, không chấp nhận đơn đề nghị hoãn phiên tòa của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H.

Xét kháng cáo của nguyên đơn ông J.I.S.A, do người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Phú Th thực hiện, như sau:

[1] *Về tố tụng:*

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Về việc xác định mối quan hệ giữa nguyên đơn ông J.I.S.A với bị đơn bà Nguyễn Thu H;

Ông J.I.S.A (Jose) với bà Nguyễn Thu H cùng thống nhất xác định đã quen biết nhau qua mạng Internet.

Mặc dù giữa ông J và bà H có lời khai khác nhau về mức độ tình cảm giữa hai người, nhưng theo thư mời ghi ngày 05/6/2006 gửi Đại sứ quán Tây Ban Nha tại Việt Nam, ông J đứng ra bảo lãnh cho bà H đi tham quan, du lịch Tây Ban Nha với nội dung: Cô Thu H sẽ cư ngụ cùng tôi tại địa chỉ C/M 23; 2^oD, 37008 Salamanca, Spain. Theo trình bày của bà H: Sau khi xin phép cha mẹ và được sự đồng ý, bà đã thực hiện chuyến đi sang Tây Ban Nha theo lời mời của ông J và ở tại địa chỉ nhà riêng của ông được ghi trong thư mời, từ ngày 06/7/2006 đến ngày 29/7/2006. Hơn nữa, trong sổ ngoại tệ do ông J gửi về cho bà H sau chuyến gặp gỡ ở Tây Ban Nha không ghi rõ mục đích chuyến tiền. Mặt khác, qua tham khảo nội dung một số lá thư điện tử (bản email) được hai người thực hiện từ giữa tháng 6/2006 đến tháng 11/2006 cùng bản tường trình do cha mẹ của bà H giao nộp tại Tòa án. Qua đó, có đủ cơ sở xác định, ở giai đoạn này, giữa ông J và bà H đã có sự quen biết và cùng nhau tạo lập mối quan hệ tình cảm qua lại thân thiết là có thật.

[2.2] Về việc xác định 02 (hai) phiếu chuyển tiền mặt do nguyên đơn ông J.I.S.A cung cấp đã được dịch thuật từ tiếng Tây Ban Nha và tiếng Anh

sang tiếng Việt Nam của Công ty Trách nhiệm hữu hạn dịch thuật HL, Thành phố Hồ Chí Minh:

[2.2.1] Đối với “Phiếu chuyển tiền mặt” đề ngày 06/9/2006;

Theo bản dịch “Phiếu chuyển tiền mặt” đề ngày 06/9/2006 thì ở mục nội dung chuyển tiền không ghi lý do, để trống. Như vậy, tại Phiếu chuyển tiền này, ông J không thể hiện ý chí của mình trong việc chuyển tiền 8.085,26 EUR cho bà H. Trong khi đó, đã có đủ cơ sở xác định, ở giai đoạn này, giữa ông J và bà H đang có mối quan hệ tình cảm qua lại thân thiết. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định 8.085,26 EUR ông J chuyển từ Ngân hàng Tây Ban Nha ngày 06/9/2006 và bà H thực nhận 10.245,36 USD ngày 08/9/2006 tại Chi nhánh Vietcombank Bến Thành là khoản tiền ông J tự nguyện hỗ trợ bà H là có căn cứ. Nên bà H không chịu trách nhiệm hoàn trả cho ông J số tiền này là đúng.

[2.2.2] Đối với “Phiếu chuyển tiền mặt” ngày 30/10/2006, số tiền chuyển là 23.762,38 EUR, bà Nguyễn Thu H thực nhận ngày 01/11/2006 bằng 29.943,52 USD cũng tại chi nhánh trên.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định bà H phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông J số tiền đã thực nhận tại tài khoản Ngân hàng Vietcombank Chi nhánh Bến Thành ngày 01/11/2006 là 29.943,52 USD, được quy đổi ra tiền đồng Việt Nam theo tỷ giá mà nguyên đơn đề nghị tại phiên tòa sơ thẩm ngày 16/10/2019 là: 18.544 đồng/1USD, nên số tiền bà H phải trả ông J là: 18.544 đồng x 29.943,52 USD = 555.272.634 đồng, được thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, là đúng.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên xét thấy kháng cáo của nguyên đơn ông J.I.S.A là không có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của ông J, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Ông J.I.S.A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm do bà Nguyễn Thu H đã nộp được sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1- Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thu H.

2- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông J.I.S.A, do người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Phú Th thực hiện; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 1395/2019/DS-ST ngày 16/10/2019 của Tòa án nhân Thành phố Hồ Chí Minh:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37; điểm c khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 163, 256, 264 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Thông tư liên tịch số: 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản;

Căn cứ vào Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông J.I.S.A về việc tính lãi trên tổng số tiền chuyển giao cho bị đơn.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông J.I.S.A.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thu H phải có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn ông J.I.S.A số tiền 29.943,52 USD được quy đổi sang tiền đồng Việt Nam là 555.272.634đ (năm trăm năm mươi lăm triệu, hai trăm bảy hai nghìn, sáu trăm ba mươi tư đồng). Thực hiện việc trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị đơn không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền như đã nêu tại phần quyết định của bản án này thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu thêm khoản tiền lãi được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông J.I.S.A về việc buộc bà Nguyễn Thu H phải trả lại số tiền 10.245,36 USD được quy đổi

sang tiền đồng Việt Nam là 189.989.955 đồng theo Phiếu chuyển tiền mặt ghi ngày 06/9/2006.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Nguyên đơn ông J.I.S.A phải chịu số tiền là 9.499.497 đồng; nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 18.702.755 đồng theo Biên lai thu tiền số 014254 ngày 18/3/2010 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, nguyên đơn ông J.I.S.A được nhận lại số tiền 9.203.258đ (chín triệu, hai trăm không ba nghìn hai trăm năm tám đồng).

+ Bị đơn bà Nguyễn Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 27.763.631đ (hai mươi bảy triệu, bảy trăm sáu ba nghìn sáu trăm ba một đồng). Nộp tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3- Án phí dân sự phúc thẩm:

+ Ông J.I.S.A phải nộp 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp (do ông Trần Phú Th nộp thay) theo Biên lai thu số: AA/2019/0024859 ngày 31/10/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; ông J.I.S.A đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

+ Sung vào công quỹ Nhà nước số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thu H đã nộp theo Biên lai thu số: AA/2019/0024841 ngày 29/10/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 22 tháng 9 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu (3), 16b (HQ).

Đỗ Đình Thanh